TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI TỪ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29 /2017/ HNGĐ - ST
Ngày: 20/7/2017
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Bằng Công Hiệp**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Minh Côn

2. Ông Bế Văn Lân

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ , tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ , tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 187/2017/TLST - HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2017/QĐST - HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Lê Thị H, sinh năm 1983**

Nơi ĐKHKTT: Xóm Đ 1, xã V, huyện Đ , tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985.**

Nơi ĐKHKTT: Xóm Đ 1, xã V, huyện Đ , tỉnh Thái Nguyên.

(Tại phiên tòa: Chị H có mặt, anh T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Tôi và anh T kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Đ . Khi kết hôn chúng tôi tự nguyện.

Sau khi cưới vợ chồng tôi sống chung với gia đình anh T tại xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang một vài tháng sau đó chuyển về xã V, huyện Đ sinh sống. Do kinh tế gia đình khó khăn nên tháng 9 năm 2015 tôi đi xuất khẩu lao động. Trong thời gian tôi đi lao động ở nước ngoài ở nhà anh T không tu trí làm ăn, đua đòi bạn bè, mắc nghiện ma túy, bán hết tài sản đồ dùng gia đình. Đầu năm 2017 tôi về

nước, tôi đã khuyên bảo và bỏ qua cho anh T nhiều lần nhưng anh T không thay đổi nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 3 năm 2017 vợ chồng tôi đã sống ly thân, không còn quan tâm gì tới nhau. Nay tôi xác định hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh T, mong Tòa án xem xét.

Về con chung: Chúng tôi có một con chung là Nguyễn Lê Nhật V, sinh năm 2014, hiện nay đang ở với tôi Khi ly hôn, tôi xin được nuôi con, tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Tôi và chị H kết hôn năm 2012 đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Đ . Khi kết hôn chúng tôi tự nguyện.

Sau khi cưới, chúng tôi sống hạnh phúc và đã có một con chung sinh năm 2014. Do kinh tế gia đình khó khăn nên năm 2015 chị H đi xuất khẩu lao động, trong thời gian ở nước ngoài thỉnh thoảng chị H vẫn gọi điện về hỏi thăm tôi và con. Đến tháng 3 năm 2017 chị H về nước, không hiểu sao không về nhà mà về ở với mẹ đẻ, và nói muốn ly hôn với tôi. Tôi đã cố gắng thuyết phục nhiều lần nhưng chị H không chấp nhận nên từ tháng 3 năm 2017 đến nay chúng tôi đã sống ly thân không còn quan tâm gì tới nhau nữa. Nay tôi cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, do vậy tôi nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có một con chung là Nguyễn Lê Nhật V, sinh năm 2014. Khi ly hôn tôi xin nuôi con, yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, do vậy phải đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa theo quy định.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, không có vi phạm gì.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị H được ly hôn anh T. Về con chung: Giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Tài sản chung, nợ chung: Hai đương sự xác định không có; Về án phí chị H phải chịu án phí LHST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công khai tại phiên toà, xem xét ý kiến của kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, việc đăng ký kết hôn đã được thực hiện tại cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới chị H và anh T sống hòa thuận, hạnh phúc. Do kinh tế gia đình khó khăn nên đến năm 2015 chị H đi xuất khẩu lao động, anh T ở nhà không làm chủ được bản thân, mắc nghiện ma túy, không tu trí làm ăn, phá tán tài sản gia đình. Chị H và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, giúp đỡ anh T cai nghiện, bản thân anh T cũng thừa nhận việc mình nghiện ma túy và cam kết cai nghiện để vợ chồng đoàn tụ nhưng vẫn không thành dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn cãi nhau. Từ tháng 3 năm 2017 vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau. Do nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn chị H xin ly hôn, anh T cũng nhất trí ly hôn.

HĐXX thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã đến mức trầm T, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T là phù hợp.

2. Về con chung: Chị H và anh T đều xác định có 1 con chung là Nguyễn Lê Nhật V, sinh ngày 28/01/2014. Khi ly cả hai bên đều đề nghị được nuôi con. Tuy nhiên xét thấy con chung còn nhỏ, anh T bị tàn tật, hạn chế khả năng lao động nên cần giao cháu V cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H, và anh T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

2. Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có nên Tòa án không xem xét.

Nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, nên Toà án không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí LHST sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. ***Về quan hệ hôn nhân***: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T.

2. ***Về con chung***: Giao con chung là Nguyễn Lê Nhật V, sinh ngày 28/01/2014 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho tới khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. ***Về án phí***: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí LHST sung công quỹ nhà nước (được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 0011762 ngày 15/6/2017 tại Chi cục THADS huyện Đ).

Báo cho cho chị H, anh T biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đ ;
- Chi cục THADS huyện Đ ;
- UBND xã.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

BẰNG CÔNG HIỆP